

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỜ ĐỎ  
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2020.

V/v tranh chấp “Ly hôn giữa Chị Đặng Thị L  
với Anh Chung Văn H”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Thanh Huỳnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Hải.

2. Ông Trần Thanh Vũ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoài Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị L, sinh năm 1985. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện C, thành phố B.

- *Bị đơn:* Anh Chung Văn H, sinh năm 1977. (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp F, xã Th, huyện C, thành phố H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 20 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Chị Đặng Thị L trình bày:* Năm 2003, do quen biết tự tìm hiểu nhau được sự đồng ý của hai gia đình, chị và Anh Chung Văn H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2010 vợ, chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Hưng theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và có 01 con chung: Cháu Chung Thái P, sinh ngày 14/4/2004, hiện Cháu P đang sống cùng với anh. Quá trình chung sống, vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ, chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất hòa, vợ chồng ly thân hơn 03 năm nay nhưng không thể hàn gắn được, hiện tại mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với Anh H.

Về con chung và nuôi con chung: Chị đồng ý giao con chung Cháu Chung Thái P, sinh ngày 25/3/2004 cho Anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Tại phiên tòa bị đơn Anh Chung Văn H vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án Anh H trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của Chị L về thời gian tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung, thời gian ly thân, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay, Chị L yêu cầu ly hôn, anh có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Chị L.
- Về con chung, nuôi con chung: Anh đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng Cháu P đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng dân sự:* Theo đơn khởi kiện của Chị Đặng Thị L thì quan hệ tranh chấp của vụ án là “ Ly hôn ”. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Bị đơn Anh Chung Văn H vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, có căn cứ xét xử vắng mặt Anh H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa Chị Đặng Thị L và Anh Chung Văn H là hợp pháp. Chị L và Anh H tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị L và Anh H có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ, chồng không hạnh phúc. Anh H cũng thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng và đồng ý ly hôn nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị L và Anh H là phù hợp.

[3] *Về con chung và nuôi con chung:* Chị L và Anh H xác định có 01 con chung, Cháu Chung Thái P, sinh ngày 14/4/2004. Chị L đồng ý giao Cháu P cho Anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, Anh H không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung:* Chị L và Anh H xác định không có.

[5] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị Đặng Thị L phải nộp 300.000đồng án phí theo mục 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Đặng Thị L với Anh Chung Văn H.

2. Về con chung và nuôi con chung: Chị L và Anh H xác định có 01 con chung, Cháu Chung Thái P, sinh ngày 14/4/2004. Chị L đồng ý giao Cháu P cho Anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, Anh H không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho Chị L không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, Chị L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì Anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của Chị L.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 012866 ngày 10 tháng 12 năm 2019 thành tiền án phí.

Phiên tòa xét xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã Ký)**

**Đào Thanh Huỳnh**